|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022* |

DỰ THẢO

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị ban hành quy định một số nội dung chi, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Văn bản số 7852/BTC-HCSN ngày 08/8/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung chi, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (Sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chủ yếu như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

- Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

- Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa.

- Văn bản số 7852/BTC-HCSN ngày 08/8/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên.

**2. Căn cứ thực tiễn**

Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số là một trong những chương trình quốc gia về y tế có quy mô lớn, bao phủ rộng khắp trên cả nước được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017. Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 được triển khai nhằm chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra; Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường bảo đảm sức khỏe cộng đồng; Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm; Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học; Khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng để giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; Duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân vùng biên giới, biển đảo và vùng trọng điểm an ninh quốc phòng …

Qua đánh giá, tổng kết Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, được sự quan tâm của Trung ương, chính quyền địa phương, Chương trình đã đạt được nhiều kết quả, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân trên địa bàn tỉnh như:

- Ý thức, nhận thức của người dân về tầm quan trọng và vai trò trong công tác phòng bệnh, tự bảo vệ sức khỏe trong cộng đồng ngày càng được nâng cao, đặc biệt, trong thời gian vừa qua khi đại dịch COVID-19 bùng phát.

- Hầu hết các chỉ tiêu về chuyên môn được đánh giá đạt và vượt các chỉ tiêu theo Quyết định 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 26/KH-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, cụ thể: Tiếp tục giảm số mắc, tử vong của nhiều bệnh dịch nguy hiểm (Giảm tỷ lệ mắc lao/100.000 dân xuống 66; giảm tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân còn 0,0005, không có trường hợp tử vong do sốt rét); Tiếp tục duy trì tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi trên 95%; tỷ lệ quản lý thai nghén/tổng số phụ nữ đẻ đạt trên 95%; Tỷ lệ phụ nữ được khám thai 3 lần/3 kỳ thai nghén tại các khu vực cao hơn so với mục tiêu đề ra; Kiểm soát tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng ở mức dưới 0,3%; Tỷ lệ bệnh nhân đang điều trị ARV đạt 94,8%; Tỷ lệ người điều trị ARV có tải lượng vi rút thấp dưới ngưỡng ức chế đạt 93,5% ...

- Xây dựng mạng lưới y tế dự phòng rộng khắp từ tuyến tỉnh đến tuyến xã. Hoạt động dự phòng được tăng cường, giám sát dịch chặt chẽ, khống chế và dập dịch kịp thời, ứng phó với các vấn đề về sức khỏe liên quan đến thiên tai, thảm họa như bão, lũ, lụt, hạn hán…

- Tăng cường công tác giám sát, phòng, chống dịch bệnh. Triển khai các biện pháp nhằm giải quyết những vấn đề tai biến trong tiêm chủng. Đào tạo, đào tạo lại, nâng cao năng lực cả về chất lượng và số lượng cho các cán bộ y tế làm công tác quản lý và thực hiện các hoạt động, dự án thuộc Chương trình.

- Mạng lưới khám, chữa bệnh và cấp phát thuốc đối với các bệnh không lây nhiễm đã và đang triển khai xuống các trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Nhằm tiếp tục giữ vững và phát huy các kết quả đã đạt được của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, căn cứ Văn bản số 3033/BYT-KHTC ngày 02/6/2020 của Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch và bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được bố trí từ ngân sách Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số cho giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương ngày 18/10/2021, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 227/KH-UBND về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025 và được HĐND tỉnh quyết nghị, bố trí kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 08/8/2022, Bộ Tài chính có Văn bản số 7852/BTC-HCSN về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên, theo đó, Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 đã không còn được áp dụng, việc quy định chế độ, định mức chi các hoạt động, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn tiếp theo chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên tại địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015: “*9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn: h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.*” và Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ: “*Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: 3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ …”.*

Sau khi Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính không còn được áp dụng, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số tỉnh Thanh Hóa gặp khó khăn, vướng mắc trong việc phân bổ nguồn kinh phí địa phương cấp để triển khai các nội dung chuyên môn theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh, do một số nội dung, định mức chi đặc thù của các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số hiện nay chưa được quy định; không thuộc phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành như: Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng; Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân, người nhà bệnh nhân trong phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; Chi điều tra, khảo sát, thống kê theo nội dung chuyên môn của từng hoạt động, dự án; Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế; Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân thuộc các hoạt động, dự án của Chương trình … Đây là các nội dung chi cần thiết, đã được triển khai hiệu quả, góp phần quan trọng vào các kết quả đạt được của ngành Y tế trong thời gian vừa qua.

Để có cơ sở thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo các nội dung chuyên môn được triển khai thông suốt nhằm đạt được các mục tiêu đề ra của Chương trình; đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới, việc ban hành các nội dung, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, ngoài phạm vi, đối tượng áp dụng và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Việc ban hành Nghị quyết quy định các nội dung, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá nhằm:

- Tạo cơ sở pháp lý cho các đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật.

- Bảo đảm các nội dung chuyên môn về y tế được triển khai thông suốt để ngành Y tế hoàn thành các mục tiêu đề ra của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ người dân trên địa bàn toàn tỉnh.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

- Việc ban hành Nghị quyết quy định các nội dung, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật hiện hành; phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh Thanh Hóa, góp phần thực hiện thành công mục tiêu vừa tổ chức phòng, chống dịch hiệu quả, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết phải bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.

**3. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Thực hiện Văn bản số 7852/BTC-HCSN ngày 08/8/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên, Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025, căn cứ các mục tiêu, giải pháp, nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh, đề xuất các nội dung, định mức chi đặc thù riêng cho các hoạt động, dự án đang triển khai.

Trên cơ sở ý kiến đề xuất của các đơn vị y tế và quy định của pháp luật hiện hành, Sở Y tế đã rà soát, tổng hợp và Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung chi, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 16445/UBND-KTTC ngày 03/11/2022 về việc hoàn thiện đề nghị ban hành quy định một số nội dung chi, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, để cơ sở hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Sở Y tế đã gửi các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham gia ý kiến về Hồ sơ Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành quy định một số nội dung chi, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Văn bản số 4449/SYT-KHTC ngày 07/11/2022; số 4690/SYT-KHTC ngày 21/11/2022.

Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (*Có Văn bản của các đơn vị đính kèm*), Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh và Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành quy định một số nội dung chi, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh.

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi, định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm 5 điều như sau:

- **Điều 1**. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- **Điều 2**. Nội dung, định mức chi đặc thù chung của Chương trình.

- **Điều 3**. Nội dung, định mức chi đặc thù riêng cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình.

- **Điều 4**. Nguồn kinh phí thực hiện.

- **Điều 5**. Tổ chức thực hiện.

(*Có Dự thảo Nghị quyết đính kèm*)

**2. Nội dung cơ bản**

a. Nội dung và định mức chi:

Nội dung và định mức chi đặc thù cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được quy định theo nguyên tắc sau:

- Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và phù hợp với các nội dung hoạt động theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh.

- Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020.

- Áp dụng định mức chi đã được quy định cho các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính đang triển khai trên địa bàn tỉnh có nội dung chi đặc thù tương đồng như Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số tỉnh Thanh Hóa.

(*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*)

b. Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn ngân sách địa phương cấp hàng năm theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025, tỉnh Thanh Hóa.

c. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Các nội dung, định mức chi khác của hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

**IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN**: Không.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);  - Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;  - Các đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Sở: Y tế, Tài chính; Tư pháp;  - CVP UBND tỉnh;  - Lưu: VT, KTTC. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT.CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đầu Thanh Tùng** |

**PHỤ LỤC. TỜ TRÌNH “VỀ VIỆC ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC CHI ĐẶC THÙ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ**

(*Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /11/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Định mức chi** | **Ghi chú** |
| **I** | **Nội dung, định mức chi đặc thù chung của Chương trình** |  |  |
| 1 | Chi điều tra, khảo sát, thống kê theo nội dung chuyên môn của từng hoạt động, dự án | Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 109/2016/TT-BTC) | Nội dung, định mức chi căn cứ áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |
| 2 | Chi mua thuốc, mẫu thực phẩm, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị (đào tạo, truyền thông, tin học và quản lý) (sau đây gọi tắt là hàng hóa) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng hoạt động, dự án thuộc Chương trình (bao gồm cả mua phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn để học viên thực hành lâm sàng và tiền lâm sàng (nếu có)) | Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu. | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 3 | Chi tiêu hủy bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (nếu có) thuộc Chương trình; tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (đã bao gồm thực phẩm giả, thực phẩm nhái, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm không đảm bảo an toàn) phát hiện trong các đợt kiểm tra, giám sát thuộc chương trình theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| a | Mua nhiên liệu, hóa chất, vật tư dùng cho tiêu hủy (nếu có); Thuê kho lưu giữ vật tư, hóa chất, mầm bệnh độc phải thực hiện tiêu hủy; Thuê máy móc, thiết bị phục vụ tiêu hủy (nếu cần thiết) | Mức chi căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hợp đồng, hóa đơn, các chứng từ chi hợp pháp phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi vận chuyển thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm; vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh cần tiêu hủy; trang thiết bị, người tham gia phục vụ tiêu hủy | Mức chi theo quy định tại mục I.5 | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Trường hợp phải thuê đơn vị khác thực hiện việc tiêu hủy | Mức chi thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn của đơn vị thực hiện tiêu hủy | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 4 | Chi sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ và hiệu chỉnh các trang thiết bị, kho bảo quản (thuốc, phương tiện tránh thai, sinh phẩm, mẫu bệnh phẩm, vật tư, hóa chất) phục vụ hoạt động chuyên môn của từng hoạt động, dự án thuộc Chương trình do cấp có thẩm quyền phê duyệt: | Theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và quy định của pháp luật về đấu thầu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 5 | Chi vận chuyển hàng hóa, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng hoạt động, dự án, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của cán bộ y tế, dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong các đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| a | Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện công cộng | Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện | Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết) | Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp trong phạm vi dự toán được giao | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| d | Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết) | Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, mẫu bệnh phẩm và con người trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 6 | Thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc, người dẫn đường không kiêm phiên dịch tiếng dân tộc | Mức chi theo quy định tại Điều 3 Thông tư số [109/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-109-2016-tt-btc-lap-du-toan-su-dung-quyet-toan-kinh-phi-thuc-hien-dieu-tra-thong-ke-316840.aspx) | Nội dung, định mức chi căn cứ áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |
| 7 | Chi hỗ trợ người cho và lấy mẫu xét nghiệm theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc Chương trình (riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ áp dụng đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, lao và bại liệt) trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| a | Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (trừ mẫu dịch não tủy) | 7.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy (nếu có) | 30.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Chi hỗ trợ người cho mẫu: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Máu tĩnh mạch | 30.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Máu mao mạch | 10.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 8 | Chi công tác kiểm tra, thanh tra, đánh giá, giám sát chuyên môn thuộc Chương trình |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| a | Tùy thuộc vào yêu cầu của mỗi cuộc kiểm tra, thanh tra, giám sát được sử dụng kinh phí của Chương trình để thực hiện một số nội dung chi ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành như: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi xét nghiệm, kiểm nghiệm mẫu | Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với đơn vị y tế công lập hiện hành. Đối với dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm chuyển từ phí sang cơ chế giá không thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá với mức chi theo giá của đơn vị cung cấp dịch vụ | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi bảo quản hoặc mua mẫu xét nghiệm, mẫu phân tích | Mức chi theo chứng từ, hoá đơn hợp lệ và phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm lấy mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Trường hợp đi giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi của các hoạt động, dự án, cán bộ y tế, dân số đi giám sát | Mức 40.000 đồng/người/ngày, ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 9 | Chi tổ chức tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung Chương trình: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| a | Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phông, bạt (nếu có) | Mức chi thực hiện theo hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) hoặc giá thị trường và chứng từ chi hợp pháp (giấy biên nhận hoặc hóa đơn) | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi thù lao người thực hiện tư vấn | Mức chi theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/03/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC). Trường hợp báo cáo viên là cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản, áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi tiền nước uống cho người tham dự | Mức chi theo quy định hiện hành | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b. | Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng | Hỗ trợ theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 và áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |
| 10 | Chi tổ chức khám sàng lọc, sàng lọc phát hiện, quản lý sàng lọc, chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động, dự án của Chương trình. Riêng đối với dự án Tiêm chủng mở rộng chỉ thực hiện đối với các bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, sởi, rubella, viêm gan B, viêm não Nhật Bản, viêm phổi/viêm màng não mủ do Hib, thương hàn, lao, bại liệt) (sau đây viết tắt là khám sàng lọc), bao gồm: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| a | Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có) | Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với đơn vị y tế công lập hiện hành | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Đối với người đang hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước: | Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm) với mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBKK) vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại; Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc với mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã ĐBKK, 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại. | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Đối với người không hưởng lương, phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước | Người trực tiếp khám, xét nghiệm với mức hỗ trợ bằng 1,3 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc (bao gồm cộng tác viên nếu có) với mức hỗ trợ bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Trường hợp khám sàng lọc kết hợp chuyển giao kỹ thuật | Mức chi cho bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm áp dụng mức chi thù lao cho giảng viên quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Người tham gia khám sàng lọc tại địa bàn nơi khám sàng lọc thì không được hỗ trợ công tác phí theo quy định hiện hành |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phông, bạt (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khám sàng lọc | Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn và chứng từ chi hợp pháp | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Thời gian thực hiện một đợt khám tại một cụm khám và số lượng đối tượng khám tối thiểu/ngày theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế. Người tham gia khám sàng lọc chỉ được hưởng 01 mức hỗ trợ theo quy định tại mục này hoặc theo quy định về nội dung chi đặc thù của dự án, hoạt động của Chương trình (nếu có). |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| **II** | **Nội dung, định mức chi đặc thù riêng cho các hoạt động, dự án thuộc Chương trình** |  |  |
| 1 | Dự án Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và một số bệnh không lây nhiễm phổ biến |  |  |
| 1.1 | Hoạt động phòng, chống lao |  |  |
| a | Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng | Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện | Đối với xã ĐBKK là 50.000 đồng/xã/tháng; Đối với các xã còn lại là 30.000 đồng/xã/tháng | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế | Đối với xã ĐBKK là 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng, 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị, 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng; Đối với các xã còn lại là 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng, 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị, 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 1.2 | Hoạt động phòng, chống phong |  |  |
| a | Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành | Mức hỗ trợ đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng là 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều; đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng là 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán | Bệnh nhân ở xã ĐBKK là 300.000 đồng/bệnh nhân; Bệnh nhân ở các xã còn lại là 200.000 đồng/bệnh nhân | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 1.3 | Hoạt động phòng, chống sốt rét |  |  |
| a | Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh | Mức chi 5.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm) | Mức chi 600.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm) | Mức chi 25.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen | Mức chi 30.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi | Mức chi 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Chi hỗ trợ người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm | Mức chi 130.000 đồng/người/đêm | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| d | Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi | Mức chi bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 1.4 | Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết |  |  |
| a | Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh | Mức chi 5.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm) | Mức chi 600.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm) | Mức chi 25.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen | Mức chi 30.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút, người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút | Mức chi 40.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi | Mức chi bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình) | Mức chi 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 1.5 | Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần |  |  |
| a | Chi phát hiện, quản lý và điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế | 15.000 đồng/bảng hỏi | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình | 150.000 đồng/xã/tháng | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Chi hỗ trợ nhân viên y tế thôn, bản tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng | 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở thôn, bản đặc biệt khó khăn nhưng không quá 100.000 đồng/thôn, bản/tháng | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 1.6 | Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu I-ốt |  |  |
| a | Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm | 20.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi | 5.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Chi hỗ trợ xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt | 2.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| d | Chi hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát | 10.000đ/người được khám | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| e | Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu | 10.000 đồng/người | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 1.7 | Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản |  |  |
| - | Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng | Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 1.8 | Hoạt động y tế trường học |  |  |
| - | Chi hỗ trợ giảng viên dạy chuyên đề về y tế học đường (lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân) | Mức chi theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 2 | Dự án Tiêm chủng mở rộng |  |  |
| a | Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình | Đối với xã ĐBKK là 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin); Đối với các xã còn lại là 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin) | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin là viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung | Đối với xã ĐBKK là 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm); Đối với các xã còn lại là 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm) | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| c | Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ | Đối với xã ĐBKK là 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều; Đối với các xã còn lại là 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| d | Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định | Đối với xã ĐBKK là 520.000 đồng/ca bệnh; Đối với các xã còn lại là 400.000 đồng/ca bệnh | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| e | Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền | Đối với xã ĐBKK là 300.000 đồng/ca bệnh; Đối với các xã còn lại là 150.000 đồng/ca bệnh | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 3 | Dự án Dân số và Phát triển |  |  |
| - | Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: |  |  |
| + | Chi hỗ trợ cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng | Đối với xã ĐBKK là 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống); Đối với xã còn lại là 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống) | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 4 | Dự án An toàn thực phẩm |  |  |
| a | Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm | 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này) | Mức hỗ trợ tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm là 130.000 đồng/người/ngày; tại các khu vực, địa điểm khác là 100.000 đồng/người/ngày | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi xây dựng mô hình điểm về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện | Hỗ trợ xây dựng đề cương với mức chi 1.000.000 đồng/đề cương | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 5 | Dự án Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học |  |  |
| a | Chi thực hiện chương trình ngoại kiểm xét nghiệm sàng lọc đơn vị máu bảo đảm an toàn truyền máu phòng, ngừa lây nhiễm HBV, HCV, HIV, giang mai: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi phí thu thập tài liệu, nhập liệu, tổng hợp phân tích kết quả và viết báo cáo | 150.000 đồng/đơn vị | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi cập nhật tài liệu, quy trình chất lượng liên quan đến EQAS | 500.000 đồng/quy trình | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ người xây dựng và bảo quản ngân hàng mẫu | 10.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ người điều chế và xét nghiệm bộ mẫu | 100.000 đồng/mẫu | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Về hỗ trợ hoạt động xây dựng lực lượng hiến máu dự bị để xây dựng ngân hàng máu sống: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Chi hỗ trợ kinh phí lập kế hoạch, chương trình, viết báo cáo | tối đa 500.000 đồng đối với cấp xã, huyện; 1.000.000 đồng đối với cấp tỉnh | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| 6 | Dự án Theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế |  |  |
| a | Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí); chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác | Việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| b | Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng | 100.000 đồng/tin, bài dưới 350 từ; 150.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 200.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên | Nội dung, định mức chi căn cứ áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |
| c | Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép: |  | Áp dụng tương đương với các nội dung, định mức chi đặc thù đã được các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2018-2020 |
| - | Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành) | Mức chi 50.000 đồng/người/buổi | Nội dung, định mức chi căn cứ áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |
| - | Hỗ trợ người trực tiếp tham gia chiến dịch | Mức chi 50.000 đồng/người/buổi. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định số lượng người tham gia chiến dịch tuyên truyền, truyền thông trong phạm vi dự toán được giao | Nội dung, định mức chi căn cứ áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |
| - | Bồi dưỡng phát thanh viên | 60.000 đồng/người/buổi | Nội dung, định mức chi căn cứ áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |
| - | Hỗ trợ chi phí xăng xe | 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm tổ chức | Nội dung, định mức chi căn cứ áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |
| - | Chi thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phông, bạt, bàn, ghế, thiết bị âm thanh, máy chiếu, máy vi tính và các chi phí hợp lý khác | Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được duyệt | Nội dung, định mức chi căn cứ áp dụng định mức chi đã được quy định cho Chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính |